

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẠC: Đại học

KHOA: TL-GD (ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-ĐT ngày 6/6/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHN)

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2018

NGÀNH ĐÀO TẠO : Công tác xã hội (4 năm)

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Khoa Giảng dạy
			TC	LT	TH		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUNG					
1	212 2 1512	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	2	2	0		LLCT
2	213 3 1513	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	3	3	0	212 2 1512	KTCT
3	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213 3 1513	KTCT
4	212 3 1225	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213 2 1922	LLCT
5	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		Tin học
6	412 3 1858	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		Ngoại ngữ
7	412 4 1859	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412 3 1858*	Ngoại ngữ
8	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	212 2 1512	GDCT
9	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		TT GDTC
10	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)		TT GDTC
11	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)		TT GDTC
12	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)		TT GDTC
13	001 0 1269	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)		TT GDTC
14	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)				TT GDQP
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	21	20	1		
		KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ NGÀNH					
15	320 2 1371	Kỹ năng học tập	2	2	0		TL-GD
16	320 3 1713	Tâm lý học đại cương	3	3	0		TL-GD
17	320 3 1256	Giáo dục học đại cương	3	3	0		TL-GD
18	317 3 1993	Xã hội học đại cương	3	3	0		TL-GD
19	320 3 1736	Tâm lý học xã hội	3	3	0	320 3 1713	TL-GD
20	320 2 1730	Tâm lý học tệ nạn xã hội	2	2	0	320 3 1713	TL-GD
21	320 4 1724	Tâm lý học phát triển	4	4	0	320 3 1713	TL-GD
22	320 3 1280	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	3	0		TL-GD
23	320 3 1788	Thực hành công tác Đoàn-Hội trong phát triển cộng đồng	3	0	3		TL-GD
24	320 3 1276	Giới và phát triển	3	3	0		TL-GD
25	320 3 1702	Sức khỏe cộng đồng	3	3	0		TL-GD
26	320 3 1059	Chính sách xã hội	3	3	0		TL-GD
27	320 3 1009	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	3	3	0		TL-GD
28	320 4 1738	Tham vấn tâm lý	4	4	0	320 3 1713	TL-GD
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	42	39	3		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HOẶC NGHIỆP VỤ					
29	320 3 1504	Nhập môn công tác xã hội	3	3	0		TL-GD
30	320 3 1118	Công tác xã hội với cá nhân	3	3	0	320 3 1504	TL-GD
31	320 3 1125	Công tác xã hội với nhóm	3	3	0	320 3 1504	TL-GD
32	320 3 1899	Tổ chức và phát triển cộng đồng	3	3	0	320 3 1504	TL-GD
33	320 3 1995	Xây dựng và quản lý dự án	3	3	0	320 3 1504	TL-GD
34	320 3 1116	Công tác xã hội trong trường học	3	3	0	320 3 1504	TL-GD
35	320 4 1603	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	4	4	0	320 3 1504	TL-GD
36	320 3 1369	Kỹ năng công tác xã hội	3	3	0	320 3 1504	TL-GD
37	320 3 1127	Công tác xã hội với trẻ em	3	3	0	320 3 1504	TL-GD
38	320 3 1659	Quản trị ngành công tác xã hội	3	3	0	320 3 1504	TL-GD
39	320 3 1115	Công tác xã hội trong bệnh viện	3	3	0	320 3 1504	TL-GD
40	320 3 1344	Kiểm huấn công tác xã hội	3	3	0	29;30;31	TL-GD
41	320 3 1122	Công tác xã hội với người khuyết tật	3	3	0	320 3 1504	TL-GD
42	320 2 1851	Thực tế công tác xã hội	2	0	2	320 3 1504	TL-GD
43	320 4 1789	Thực hành Công tác xã hội với cá nhân	4	0	4	320 3 1118	TL-GD
44	320 4 1790	Thực hành Công tác xã hội với nhóm	4	0	4	320 3 1125	TL-GD
45	320 4 1811	Thực hành Phát triển cộng đồng	4	0	4	320 3 1899	TL-GD
46	303 3 1847	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		TL-GD
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	57	40	17		

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Khoa Giảng dạy
			TC	LT	TH		
		HỌC PHẦN TỰ CHỌN					
47	331 2 1252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0		TL-GD
48	311 2 1765	Thống kê thực hành	2	2	0		Toán
49	318 2 1421	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0		Lịch sử
50	317 2 1873	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		Ngữ văn
51	316 2 1429	Logic học	2	2	0		GDCT
52	317 2 1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0		Ngữ văn
53	320 3 1120	Công tác xã hội với gia đình	3	3	0	320 3 1504	TL-GD
54	320 3 1124	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	3	3	0	320 3 1504	TL-GD
55	320 2 1126	Công tác xã hội với phụ nữ	2	2	0	320 3 1504	TL-GD
56	320 2 1117	Công tác xã hội trong trường hợp khẩn cấp	2	2	0	320 3 1504	TL-GD
57	320 2 1119	Công tác xã hội với dân tộc thiểu số	2	2	0	320 3 1504	TL-GD
58	320 3 1123	Công tác xã hội với người nghèo	3	3	0	320 3 1504	TL-GD
59	320 2 1121	Công tác xã hội với người cao tuổi	2	2	0	320 3 1504	TL-GD
60	320 3 1261	Giáo dục kỹ năng sống	3	3	0		TL-GD
61	320 2 1796	Thực hành giáo dục kỹ năng sống	2	0	2		TL-GD
62	303 7 1338	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7		TL-GD
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	41	32	9		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA	161				
		Tổng số tín chỉ bắt buộc	120				
		Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu	15				

Ghi chú: - Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Trần Anh

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẠC: Đại học

KHOA: TL-GD (ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-ĐT ngày 6/6/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-DHĐN)

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2018

NGÀNH ĐÀO TẠO : Công tác xã hội (4 năm)

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH		
1	317 3 1993	Xã hội học đại cương	3	3	0		
	320 3 1713	Tâm lý học đại cương	3	3	0		
	320 2 1371	Kỹ năng học tập	2	2	0		
	320 3 1788	Thực hành công tác Đoàn-Hội trong phát triển cộng đồng	3	0	3		
	320 3 1256	Giáo dục học đại cương	3	3	0		
	320 3 1504	Nhập môn công tác xã hội	3	3	0		
	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	0	(1)		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		17	14	3		
2	212 2 1512	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	2	2	0		
	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
	412 3 1858	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		
	320 4 1724	Tâm lý học phát triển	4	4	0	320 3 1713	
	320 2 1851	Thực tế công tác xã hội	2	0	2	320 3 1504	
	320 3 1369	Kỹ năng công tác xã hội	3	3	0	320 3 1504	
		Học phần tự chọn					
	311 2 1765	Thống kê thực hành	2	2	0		
	318 2 1421	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0		
	316 2 1429	Logic học	2	2	0		
	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	0	(1)		
	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)				
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		22	19	3		
3	213 3 1513	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	3	3	0	212 2 1512	
	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	212 2 1512	
	412 4 1859	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412 3 1858*	
	320 3 1280	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	3	0		
	320 3 1736	Tâm lý học xã hội	3	3	0	320 3 1713	
	320 3 1118	Công tác xã hội với cá nhân	3	3	0	320 3 1504	
		Học phần tự chọn					
	317 2 1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0		
	317 2 1873	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		
	331 2 1252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0		
	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	0	(1)		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		24	24	0		
4	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213 3 1513	
	320 4 1603	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	4	4	0	320 3 1504	
	320 4 1738	Tham vấn tâm lý	4	4	0	320 3 1713	
	320 3 1125	Công tác xã hội với nhóm	3	3	0	320 3 1504	
	320 3 1009	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	3	3	0		
	320 4 1789	Thực hành Công tác xã hội với cá nhân	4	0	4	320 3 1118	
		Học phần tự chọn					
	320 3 1261	Giáo dục kỹ năng sống	3	3	0		
	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	0	(1)		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		23	19	4		

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH		
5	212 3 1225	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213 2 1922	
	320 2 1730	Tâm lý học tệ nạn xã hội	2	2	0	320 3 1713	
	320 3 1276	Giới và phát triển	3	3	0		
	320 3 1899	Tổ chức và phát triển cộng đồng	3	3	0	320 3 1504	
	320 3 1122	Công tác xã hội với người khuyết tật	3	3	0	320 3 1504	
	320 3 1702	Sức khỏe cộng đồng	3	3	0		
	320 4 1790	Thực hành Công tác xã hội với nhóm	4	0	4	320 3 1125	
		Học phần tự chọn					
	320 2 1126	Công tác xã hội với phụ nữ	2	2	0	320 3 1504	
	001 0 1269	Giáo dục thể chất 5	(1)	0	(1)		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			23	19	4		
6	320 3 1059	Chính sách xã hội	3	3	0		
	320 3 1995	Xây dựng và quản lý dự án	3	3	0	320 3 1504	
	320 3 1116	Công tác xã hội trong trường học	3	3	0	320 3 1504	
	320 4 1811	Thực hành Phát triển cộng đồng	4	0	4	320 3 1899	
		Học phần tự chọn					
	320 3 1124	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	3	3	0	320 3 1504	
	320 2 1796	Thực hành giáo dục kỹ năng sống	2	0	2		
	320 2 1119	Công tác xã hội với dân tộc thiểu số	2	2	0	320 3 1504	
	320 3 1123	Công tác xã hội với người nghèo	3	3	0	320 3 1504	
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	23	17	6		
	320 3 1127	Công tác xã hội với trẻ em	3	3	0	320 3 1504	
	320 3 1115	Công tác xã hội trong bệnh viện	3	3	0	320 3 1504	
	320 3 1344	Kiểm huấn công tác xã hội	3	3	0	29;30;31	
	320 3 1659	Quản trị ngành công tác xã hội	3	3	0	320 3 1504	
		Học phần tự chọn					
	320 3 1120	Công tác xã hội với gia đình	3	3	0	320 3 1504	
	320 2 1117	Công tác xã hội trong trường hợp khẩn cấp	2	2	0	320 3 1504	
	320 2 1121	Công tác xã hội với người cao tuổi	2	2	0	320 3 1504	
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	19	19	0		
8	303 3 1847	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		
		Học phần tự chọn					
	303 7 1338	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			10	0	10		

Ghi chú: - Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Xuân Anh

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG